

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 5- 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/QĐST-DS, ngày 26/4/2022 của Hội đồng xét xử sơ thẩm, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Kim H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Chị H vắng mặt, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của nguyên đơn là chị Đỗ Kim H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T đã qua tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh tây Ninh, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc,

đến những năm gần đây cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa do anh T đi làm xa thời gian cách nay đã 07 năm, thỉnh thoảng nửa tháng mới về thăm vợ con một hai ngày rồi lại đi, anh T sống thiếu chung thủy, không quan tâm cuộc sống cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, từ đó bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vào cuối năm 2021 chị cũng có nộp đơn ly hôn với anh T tại Tòa án, sau đó chị đã rút đơn để cho anh T có thời gian suy nghĩ lại, quan tâm chăm lo cho cuộc sống cho gia đình, nhưng anh T vẫn sống theo sở thích của mình, chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được và chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2021 cho đến nay. Hiện tại chị nhận thấy hôn nhân của chị và anh T không khả năng hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị có đơn khởi kiện yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị H có yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh T.
- Về con chung: Chị H và anh T chung sống có các con chung là Đỗ Mộng T, sinh ngày 02/5/2006 và Đỗ Cát T, sinh ngày 21/9/2011, hiện nay các con đang sống chung với chị. Chị H có yêu cầu tiếp tục nuôi các con là Đỗ Mộng T, sinh ngày 02/5/2006 và Đỗ Cát T, sinh ngày 21/9/2011 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn đề ngày 18/5/2022 yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nội dung đơn thể hiện chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Theo bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

- Anh T thống nhất với lời trình bày của chị H về thời điểm kết hôn, anh T xác định vẫn còn thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.
- Về con chung: Anh T thống nhất lời trình bày của chị H vợ chồng chung sống có các con chung là Đỗ Mộng T, sinh ngày 02/5/2006 và Đỗ Cát T, sinh ngày 21/9/2011, hiện nay các con sống với chị H, nếu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh thì về con chung anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi các con, do chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi các con nên anh không phải cấp dưỡng.
- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa anh T có ý kiến vẫn giữ nguyên các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định theo

quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Kim H về việc xin ly hôn với anh Đỗ Văn T. Chị Đỗ Kim H được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

- Về con chung: giao con chung con chung là Đỗ Mộng T, sinh ngày 02/5/2006 và Đỗ Cát T, sinh ngày 21/9/2011 cho chị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: cả hai bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: cả hai bên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đỗ Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con chung với anh Đỗ Văn T. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh T được xác định vụ án có quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Đỗ Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị Đỗ Kim H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Xét nội dung yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Kim H và anh Đỗ Văn T có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển 1, ngày 26 tháng 10 năm 2005 tại Ủy ban nhân thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh T không quan tâm chăm lo cho cuộc sống cho gia đình đã nhiều lần trao đổi nhưng anh T vẫn sống theo sở thích của mình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, từ đó bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa. Chị H có yêu cầu ly hôn với anh T.

Đối với hôn nhân của chị H và anh T, khoảng cuối năm 2021 chị H có nộp đơn ly hôn với anh T, sau đó rút đơn lại và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 62/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2021. Đến ngày 4/3/2022 Tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị H và anh T, trong quá trình giải quyết vụ án, đã tiến hành hòa giải 02 lần nhằm để anh chị đoàn tụ nhưng chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời khi xét xử Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để cho anh T và chị H có thời gian trao đổi hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị H có văn bản trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 18/5/2022. Tại phiên tòa anh T cho rằng trong thời gian cho tạm ngừng phiên tòa một tháng anh vẫn tiếp tục đi làm bình thường như thời gian trước đây. Anh T có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị H, nhưng hiện tại anh T cho rằng không tìm được cách nào trao đổi với chị H để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm.

Xét thấy, giữa chị H và anh T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện tại anh chị đã không chung sống với nhau nữa.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị H và anh T lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H để giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung:

Chị H và anh T chung sống có các con chung là Đỗ Mộng T, sinh ngày 02/5/2006 và Đỗ Cát T, sinh ngày 21/9/2011 hiện nay các con đang sống chung với chị. Chị H có yêu cầu tiếp tục nuôi các con chung là Đỗ Mộng T, sinh ngày 02/5/2006 và Đỗ Cát T, sinh ngày 21/9/2011 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh T có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh thì anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi các con. Theo ý kiến của các cháu Tiên và Tuyền đều có nguyện vọng muốn tiếp tục sống với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy để cho các con chung của chị H, anh T được ổn định về tâm lý, việc học tập và có sự thống nhất của chị H, anh T đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các con, nên để cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì chị H có quyền yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung. Tuy nhiên do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T trình bày thống nhất không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh chị có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đỗ Kim H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004747 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Kim H. Chị Đỗ Kim H được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: giao cho chị Đỗ Kim H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Đỗ Mộng T, sinh ngày 02/5/2006 và Đỗ Cát T, sinh ngày 21/9/2011 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T trình bày thống nhất không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Kim H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004747 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ